

Bản án số: 29/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 28/6/2024

“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Việt Vĩnh

2. Bà Thân Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Thành – chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024, về việc “tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐ-TA ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Xóm M, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Xóm M, xã L, huyện P tỉnh Thái Nguyên

(Chị T có mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn K năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh K thường xuyên rượu chè, say xỉn, không lo làm ăn lại còn gây sự, chửi mắng chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2023 đến nay. Sau thời gian ly thân anh K có gọi chị về và đuổi đánh chị. Sự việc này chị T đã trình báo tại địa phương và anh K đã được nhắc nhở, vợ

chồng đã sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **K**.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu **Nguyễn Huy Q**, sinh ngày 23/01/2009 và **Nguyễn Chiến T1**, sinh ngày 13/11/2012

Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con **Nguyễn Huy Q**; anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Chiến T1** cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị và anh **K** sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** và anh **K** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng do Tòa án lập anh **K trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh **K** công nhận về thời gian kết hôn như chị **T** khai. Trong khoảng năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc với nhau, tuy nhiên sau một thời gian chung sống hai bên đã không còn hạnh phúc. Cuộc sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau cả về tư tưởng cũng như cách sống, bất đồng trong cuộc sống hôn nhân nên thường xảy ra cãi vã. Cuộc sống hôn nhân dẫn rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể hàn gắn mối quan hệ này nữa, Chị **T** đã bỏ nhà đi từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Anh **K** xác định hôn nhân rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **T** có nguyện vọng ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh **K** có nguyện vọng giao chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tại phiên hoà giải ngày 28/03/2023 anh **K** lại có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu **Q** và **T1** cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị **T** và anh **K** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại phiên hoà giải anh **K** xác định còn khoản tiền nợ do tháng 12 năm 2023 vì bản thân buồn chán nên đã uống thuốc sâu tự tử phải đi điều trị hết 100.000.000 đồng đề nghị chị **T** phải chịu một nửa số tiền.

Tuy nhiên khi Tòa án tiến hành lập biên bản hoà giải và biên bản làm việc để giải thích về yêu cầu giải quyết nợ chung trong vụ án để anh **K** thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh **K** không ký biên bản và không có đơn yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án vì vậy phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tiếp nhận đơn của Tòa án, việc thụ lý đơn khởi kiện và quá trình giải quyết của Hội đồng xét xử và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 BLTTDS, Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326 của Quốc hội, đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Giao con Nguyễn Huy Q cho chị T; Giao con Nguyễn Chiến T1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Chị T và K không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị T và anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Chị T và anh K được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án ly hôn căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh K hiện đang cư trú tại huyện P, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa bị đơn anh **K** vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai nhưng anh **K** vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh **K**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **K** kết hôn với nhau ngày 07 tháng 01 năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đủ điều kiện được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị **T** và anh **K** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Chị **T** xác định mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên chị **T** có nguyện vọng xin được ly hôn với anh **K**.

Anh **K** xác định nguyên nhân dẫn đến việc chị **T** yêu cầu ly hôn với anh là do không tìm được tiếng nói chung khiến cho vợ chồng xảy ra cãi vã. Hiện nay, chị **T** đã bỏ về nhà ngoại ở. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng chị **T** yêu cầu giải quyết ly hôn anh đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy thực tế trong cuộc sống vợ chồng anh, chị đã xảy ra những mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị **T** và anh **K** đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên chấp nhận đơn ly hôn của chị **T**, cho chị được ly hôn với anh **K** như vậy là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huy Q, sinh ngày 23/01/2009 và Nguyễn Chiến T1, sinh ngày 13/11/2012

Nhận thấy chị **T** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huy Q; anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Chiến Thắng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Xét thấy, do các cháu còn nhỏ nên cần đảm bảo sự phát triển, ổn định tâm sinh lý của trẻ nhỏ và nguyện vọng của cháu T1 muốn được ở với bố còn cháu Q nguyện vọng được ở với mẹ và trên cơ sở thực tế chị **T** và **K** đều có việc làm và mức thu nhập ổn định và có đủ khả năng để cho con có điều kiện nuôi dưỡng và học tập tốt, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con vì vậy giao con Nguyễn Huy Q cho chị **T**; giao con Nguyễn Chiến T1 cho anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh **K** và chị **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị **T** và anh **K** không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Do chị **T** và anh **K** không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Chị **T** không yêu cầu giải quyết, anh **K** yêu cầu Tòa án buộc chị **T** cùng trả số nợ 100.000.000 đồng do anh **K** phải đi viện điều trị, tuy nhiên anh **K** không có đơn phản tố đề nghị giải quyết về nợ chung và nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo. Vì vậy, Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của chị **Nguyễn Thị T**, cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn anh **Nguyễn Văn K**.

2. Về con chung: Giao con **Nguyễn Huy Q**, sinh ngày 23/01/2009 cho chị **T**; Giao con **Nguyễn Chiến T1**, sinh ngày 13/11/2012 cho anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Chị **T** và anh **K** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị **T** và anh **K** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** và anh **K** không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị **T** và anh **K** không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0003709 ngày 17/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, chị **T** được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; anh **K** được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Lương Phú;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Dương Thành;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Nga My;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THÂM NHÂN DÂN

THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhân